

Số: /2022/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4518/TTr-SNN ngày 25/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An (ban hành kèm theo quy định).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KSTTHC - VP. Chính phủ;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Các Phòng KTTC; VHXH, KSTTHC;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SNN, Nguyên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề,
ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An**
(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND
ngày /8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quyết định công nhận.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Không hỗ trợ cho các đối tượng đã được hỗ trợ từ các chương trình khác trùng với các nội dung quy định tại Quyết định này.

2. Nhà nước hỗ trợ kinh phí bằng hình thức hỗ trợ một phần; phần còn lại do tổ chức, cá nhân tự cân đối và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác. Trình tự và thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II NỘI DUNG CHI, MỨC CHI

**Điều 4. Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận
nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

1. Mức hỗ trợ

a) Nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

b) Làng nghề đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

c) Làng nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận, được hỗ trợ 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. Kinh phí hỗ trợ được bổ sung cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận và được sử dụng trong việc tổ chức công bố quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề

Hỗ trợ 60% chi phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện, nước sạch; hệ thống tiêu, thoát nước; xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề) cho các làng nghề gắn với phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; làng nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương; làng nghề gắn với việc bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa thông qua các nghề truyền thống. Mức hỗ trợ tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo nhân lực

Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

Điều 7. Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn

1. Đối tượng hỗ trợ: áp dụng quy định tại Điều 2 quy định này.

2. Cơ quan thực hiện hỗ trợ: Cơ quan quản lý Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tại địa phương hỗ trợ cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An xây dựng dự án phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Nội dung chi hỗ trợ dự án và nguyên tắc ưu tiên: thực hiện theo điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

4. Mức hỗ trợ: 50% nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

Điều 8. Chi khảo sát, học tập trong nước

Chi khảo sát, học tập trong nước thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của

Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 9. Nguồn kinh phí

1. Nguồn ngân sách Nhà nước: ngân sách tỉnh, huyện; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án có liên quan, kinh phí khuyến công.

2. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn thực hiện quyết định này; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương và từ các chương trình, dự án khác để hỗ trợ cho các hoạt động phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách để thực hiện các chính sách theo quy định.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn phát triển du lịch gắn với làng nghề; tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch, khuyến khích phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch làng nghề, kết nối với các đơn vị lữ hành xây dựng các tuyến tham quan du lịch làng nghề.

5. Sở Công Thương chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn; phối hợp Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm, dự toán kinh phí để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn thực hiện theo nội dung, mục tiêu, kế hoạch đề ra.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và các quy định về lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội để phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó tập trung đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở ngành nghề nông thôn. Thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho thế hệ kế cận, đồng thời có kế hoạch hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo nghiệp vụ sư phạm nghề nghiệp, kỹ năng dạy học cho các nghệ nhân.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn và hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia Đề án OCOP đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc; phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng,

phát triển nhãn hiệu, tư vấn định hướng phát triển thương hiệu sản phẩm Đề án OCOP; phối hợp với các ngành liên quan thụ lý và giải quyết các tranh chấp, bảo vệ và thực thi về quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia Đề án OCOP hoàn thiện hồ sơ và làm thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm thuộc Sở Y tế quản lý, đảm bảo các quy định hiện hành.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - chi nhánh tỉnh Long An chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn xem xét các phương án, dự án phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn để cho vay theo đúng quy định pháp luật.

10. Báo Long An và Đài Phát thanh và Truyền hình Long An chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan có kế hoạch thực hiện chuyên mục về phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện điều tra, khảo sát tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn lập kế hoạch nhu cầu vốn của năm sau (kể cả đề án, dự án, chương trình) nhằm hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30 tháng 7 để tổng hợp, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 8.

c) Báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30/11 hàng năm.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức công bố quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và sử dụng kinh phí được cấp theo quy định.

Điều 11. Nguyên tắc áp dụng

1. Các chế độ về hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn không quy định tại quyết định này thì được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại quy định của quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**